

CLICK HERE to get our Vietnamese Learning System! Get your **Free Lifetime Account!**



TRAVEL TO VIETNAM

Conversation Cheat Sheet

Create Your
FREE Account

CLICK

MONEY & SHOPPING

Is there an ATM
nearby?

Có cây ATM nào ở gần
đây không?

How much is ~?
~ bao nhiêu tiền?



two hundred
thousand dongs

hai trăm
nghìn đồng



hundred thousand
dongs

một trăm
nghìn đồng



fifty thousand
dongs

năm mươi
nghìn đồng



twenty thousand
dongs

hai mươi nghìn đồng



ten thousand
dongs

mười nghìn đồng



five thousand
dongs

năm nghìn đồng



two thousand
dongs

hai nghìn đồng



one thousand
dongs

một nghìn đồng



five hundred
dongs

năm trăm đồng

AROUND TOWN

Where is ~ ?
~ ở đâu?

I'd like to go to ~.
Tôi muốn đến ~.



One Pillar Pagoda

Chùa Một Cột



Ha Long Bay

Vịnh Hạ Long



Temple of Literature

Văn Miếu



Po Nagar

Tháp Bà Ponagar



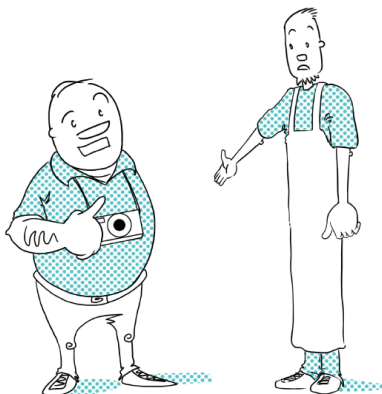
My Son Sanctuary

Thánh địa Mỹ Sơn



Hoi An Ancient Town

Phố cổ Hội An



SURVIVAL PHRASES

Please take me to ~.

Hãy đưa tôi đến ~.

Where is the station?

Nhà ga ở đâu?

Where is the restroom?

Nhà vệ sinh ở đâu?



COMMUNICATION

Hello.

Chào bạn.

Excuse me.

Xin lỗi.

I'm sorry.

Tôi xin lỗi.

Excuse me.
Xin lỗi.

Hello.
Chào bạn.

Nice to meet you.

Rất vui được gặp bạn.

Please.

Làm ơn.

Yes.

Vâng.

I am ~.

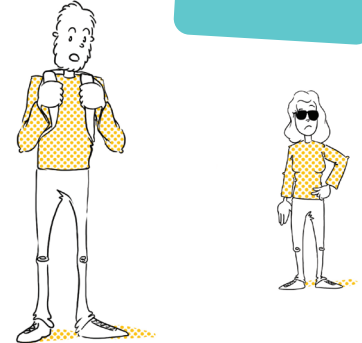
Tôi ~.

Thank you.

Cảm ơn.

No.

Không.



ASKING QUESTIONS

Do you understand?

Bạn có hiểu không?

I understand.

Tôi hiểu.

I don't understand.

Tôi không hiểu.

I don't understand.
Tôi không hiểu.

Do you speak English?

Bạn có nói tiếng Anh không?

Yes, I do.

Có, tôi có.

No I don't.

Không, tôi không.

Can you eat this?

Bạn có thể ăn cái này không?

Of course.

Tất nhiên.

No, I can't eat it.

Không, tôi không thể ăn nó.



ORDERING FOOD



boiled spinach
rau muống luộc



noodle soup
phở



soft sesame cake
mè xừng



crispy pancakes
bánh xèo

~ please.
Cho tôi ~.

What do you recommend?
Bạn thấy món nào ngon?



grilled pork & noodle
bún chả



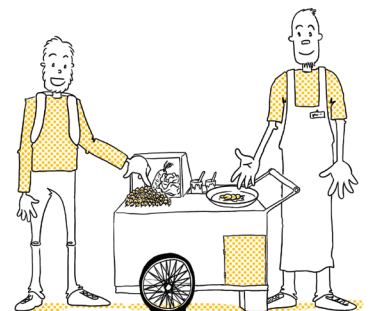
pickled vegetables
cà muối



fried spring roll
nem rán



fresh spring roll
nem tươi



COUNTERS

1

một

2

hai

3

ba

4

bốn

5

năm

6

sáu

7

bảy

8

tám

9

chín

10

mười

~ please.
Cho tôi ~.

COUNTERS